

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/DS-PT

Ngày: 16-01-2026

V/v: yêu cầu vô hiệu di chúc, vô
hiệu văn bản khai nhận di sản thừa
kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán:

+ Bà Phạm Thị Hồng Vân;

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 781/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc “Yêu cầu vô hiệu di chúc, vô hiệu văn bản khai nhận di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST, ngày 27-08-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1445/2025/QĐXX-PT, ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Châu Văn Ú, sinh năm 1966; trú tại: Ấp A, xã P, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Châu Hồng N, sinh năm 1981; trú tại: Ấp A, xã P, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Mỹ H – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Mỹ H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Châu Văn V, sinh năm 1958; trú tại: Ấp A, xã P, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bà Châu Thị T, sinh năm 1960; trú tại: Ấp A, xã P, tỉnh Tây Ninh, có mặt.
- Bà Châu Thị E, sinh năm 1962; trú tại: Ấp A, xã P, tỉnh Tây Ninh, có mặt.
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An, nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C, tỉnh Long An nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Văn phòng C1; Địa chỉ: Số B, đường N, xã C, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; trú tại: Ấp A, xã P, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Châu Văn Ú là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Châu Văn Ú trình bày: Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Vô hiệu Tờ di chúc ngày 05-8-2006 của bà Châu Thị M cho anh Châu Hồng N được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An chứng thực ngày 22-8-2006, Số 03, quyền số 01/TP/CC/SCT/HĐGD.

- Vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 01-10-2024 đối với phần đất có diện tích 467m², thuộc thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 3, đất ONT, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An được công chứng tại Văn phòng C1 theo số công chứng 25727, quyền số 26/2024/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1192, diện tích 828,1m² tờ bản đồ số 36, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C, tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Châu Hồng N ngày 11-7-2025.

Ông Trần Văn C (sinh năm 1937, chết năm 1968) và bà Châu Thị M (sinh năm 1937, chết ngày 06-5-2024), có tất cả 04 người con gồm Châu Văn Ú, Châu Thị E, Châu Thị T và Châu Văn V. Anh Châu Hồng Nghĩa L con ruột của ông Châu Văn V.

Phần đất diện tích 587m² thuộc thửa số 1592, Tờ bản đồ số 3, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất cho bà Châu Thị M vào ngày 30-12-1996. Trên đất có một căn nhà tình nghĩa xây dựng năm 2006. Khi chết, bà Châu Thị M để lại di chúc cho Châu Hồng N toàn bộ nhà và đất nêu trên.

Ngày 01-10-2024, anh N làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế, lúc này, ông mới biết bà M có để lại di chúc thừa đất nêu trên anh ông N. Ông cho rằng di chúc nêu trên không hợp pháp bởi các lý do sau:

- Đối chiếu chữ viết trong tờ di chúc, ông nghi ngờ di chúc do anh Châu Hồng N viết.

- Di chúc viết ngày 05-8-2006 nhưng đến ngày 22-8-2006, Ủy ban nhân dân xã L mới chứng thực, thời điểm chứng thực không trùng với thời điểm lập di chúc.

- Khi lập di chúc không có người làm chứng.

- Di chúc có 01 tờ, 2 mặt nhưng không đánh số trang, người lập di chúc không ký vào từng trang.

- Tờ di chúc được viết vào năm 2006, thời điểm này bà M đã 69 tuổi, sức khỏe yếu, tinh thần không còn minh mẫn, vì nhiều chứng bệnh tuổi già.

Biên bản họp gia đình ngày 29-8-2024 lập tại nhà ông Châu Văn V, sau đó đến Ủy ban nhân dân xã L nhờ đánh máy, ông có đọc và thống nhất nội dung cho N nhận thừa kế thửa đất 1592, ông không yêu cầu Ủy ban xã chứng thực chữ ký, là anh N tự yêu cầu xã chứng thực. Tại thời điểm lập biên bản họp gia đình ông không biết mẹ ông có để lại di chúc. Cho đến khi phát hiện Châu Hồng N được đứng tên quyền sử dụng đất, ông khởi kiện thì vợ ông mới cho xem bản Di chúc mà anh N gửi qua zalo của vợ ông. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M do ông giữ, chính ông đưa cho N đi kê khai. Nhưng do không biết có Di chúc, mới lập biên bản họp gia đình để cho N nhận thừa kế.

Bị đơn – anh Châu Hồng N trình bày: Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn Ú. Anh sống chung với bà nội – là bà Châu Thị M từ khi anh còn nhỏ cho đến khi bà M mất. Khi bà M già yếu, anh là người chăm sóc, phụng dưỡng. Vào năm 2006, sau khi nhà nước cho nhà tình nghĩa (bà M là vợ liệt sĩ) với số tiền là 20.000.000 đồng, anh góp thêm tiền vào để xây dựng nhà khang trang hơn, bà M có dắt anh ra Ủy ban nhân dân xã L, nhờ anh viết hộ Di chúc (bà M biết đọc, biết viết nhưng do lớn tuổi nên nhờ viết hộ) và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Sau khi viết xong di chúc, bà M giữ di chúc, sau này giao lại cho bà Châu Thị Tư G. Khi bà M chết, bà T giao lại di chúc cho anh để đi kê khai.

Sau khi nhận di chúc, anh có công khai di chúc này với các cô, chú trong gia đình. Đến ngày 29-8-2024, các cô, chú, cha anh và anh lập biên bản họp gia đình, đồng ý cho anh nhận thừa kế quyền sử dụng đất thửa 1592, biên bản được lập và ký tên tại Ủy ban

nhân dân xã L, có chứng thực. Anh đã thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế và được đứng tên quyền sử dụng đất thửa 1592. Bản chính di chúc anh đã nộp khi khai nhận di sản thừa kế tại Văn phòng C1, hiện không còn giữ. Đến năm 2025, anh thực hiện thủ tục cấp đổi, hợp với hai thửa đất khác là 190 và 1096 thành thửa 1192 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11-7-2025. Di chúc của bà nội (bà M) để lại là hoàn toàn hợp pháp. Hiện gia đình anh vẫn đang sống trong căn nhà trên thửa đất 1592. Thực tế, anh gửi zalo bản chụp di chúc cho vợ ông Ú trước khi lập biên bản họp gia đình (ông không có zalo của ông Ú), hiện do điện thoại hỏng nên không còn lưu. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M là do ông Út G1, sau khi xem di chúc, ông Ú đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh và lập biên bản họp gia đình để ông đi làm thủ tục kê khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Châu Thị T trình bày: Bà Châu Thị M có 04 người con như ông Châu Văn Ú trình bày. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn Ú, bà thống nhất với di chúc của bà M, để lại thửa đất 1592 cho cháu là anh Châu Hồng N. Bà M lúc còn sống đã có chia đất cho các con đầy đủ. Anh Châu Hồng Nghĩa L cháu nội, sống chung với bà M từ nhỏ cho đến khi bà chết. Các anh chị em của bà đều có gia đình riêng, sống riêng. Lúc bà M lớn tuổi, già yếu, do Châu Hồng N chăm sóc, phụng dưỡng. Đến khi bà M chết, cháu N cũng lo tang sự đầy đủ, anh chị em bà chỉ đóng góp một phần. Năm 2006, bà M được tặng nhà tình nghĩa với số tiền là 20.000.000 đồng, N có góp tiền thêm để xây dựng. Sau đó, N tu sửa thêm để được căn nhà khang trang như hiện nay. Thời điểm bà M lập di chúc để nhà và đất thuộc thửa 1592 lại cho N, bà không biết. Đến khi chia ruộng, bà M có nói là chỉ chia ruộng cho các anh chị em còn nhà và đất thổ bà M đã lập di chúc để lại cho N, lúc này bà mới biết là có di chúc, và bà M đưa di chúc cho bà giữ, đến khi bà M chết, bà đưa Di chúc cho N đi kê khai. Bà M để lại di chúc cho anh Nghĩa L hợp pháp, việc anh N kê khai và quản lý sử dụng thửa đất nêu trên là phù hợp với ý nguyện của bà M khi còn sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Châu Thị E trình bày: Bà là con của bà Châu Thị M. Bà thống nhất với lời trình bày của ông Châu Văn Ú về 04 người con của bà M. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn Ú. Việc bà M để di chúc lại cho cháu N thửa đất 1592 là hoàn toàn đúng đắn. Vì cháu Nghĩa là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng bà M lúc tuổi cao, sức yếu. Khi còn sống, bà M đã có chia đất đầy đủ cho các anh chị em trong gia đình. Phần nhà và đất thổ này bà M để lại cho Nghĩa là phù hợp. Sau khi bà M chết, bà có biết di chúc này, và có lập biên bản họp gia

đình tại Ủy ban nhân dân xã L, các anh chị em đều đồng ý để cho N thừa kế nhà và đất thuộc thửa 1592.

Tại Văn bản số 375/CN.VPĐKKĐĐ ngày 22-7-2025, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C trình bày ý kiến như sau:

Về nguồn gốc: Bà Châu Thị M được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành K 125033, số vào sổ 0516 QSDĐ/0509-LA, cấp ngày 30-12-1996, trong đó có thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 3, diện tích 587m², tỷ lệ 1/5000 tọa lạc tại xã L (nay là xã P).

Năm 2024, anh Châu Hồng N lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với thửa đất 1592, tờ bản đồ số 3, diện tích 467m² (diện tích sau khi đo đạc lại) của bà Châu Thị M, được Phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T2, công chứng số 25727 quyền số 26/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01-10-2024. Hồ sơ được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C) thẩm tra, ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Châu Hồng N đối với thửa đất nêu trên có số phát hành DO 454209, số vào sổ CN 1399, cấp ngày 17-10-2024.

Việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C giải quyết hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Châu Hồng N đối với thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 03 ngày 17-10-2024 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tại Văn bản số 100 ngày 07-8-2025, Văn phòng C1 có ý kiến như sau: Văn phòng C1 có chứng nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng 25727, quyền số 26/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01-10-2024. Người khai nhận di sản là ông Châu Hồng N; người để lại di sản là bà Châu Thị M; di sản thừa kế là thửa đất 1592, tờ bản đồ số 3, tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh).

Việc chứng nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng 25727, quyền số 26/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01-10-2024, được thực hiện đúng quy trình, hồ sơ đầy đủ đúng theo quy định pháp luật. Việc chứng nhận văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An từ ngày 16-9-2024 đến ngày 01-10-2024. Hồ sơ công chứng được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại Văn phòng C1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST, ngày 27-08-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 07-Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 657 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn Ú đối với ông Châu Hồng N về việc:

- Vô hiệu Tờ di chúc ngày 05-8-2006 của bà Châu Thị M cho ông Châu Hồng N được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An chứng thực ngày 22-8-2006 theo số 03, quyển số 01/TP/CC/SCT/HĐGD, đối với phần đất có diện tích 587m², thuộc thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 3, đất ONT, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 01-10-2024 đối với phần đất có diện tích 467m², thuộc thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 3, đất ONT, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An được công chứng tại Văn phòng C1 theo số công chứng 25727, quyển số 26/2024/TP/CC-SCC/HĐGD.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành và quyền kháng cáo.

Ngày 28-8-2025, ông Châu Văn Ú làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Châu Văn Ú giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; anh Châu Hồng N không chấp nhận kháng cáo của ông Ú yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh N – Luật sư Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Di chúc lập ngày 05-8-2006 của bà Châu Thị M được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L chứng thực có ghi rõ nội dung, tình trạng sức khỏe tinh thần của bà Châu Thị M, chứng thực đúng quy định pháp luật. Về nội dung: bà M nhờ anh N viết nội dung di chúc, di chúc được đọc lại cho bà M nghe và ký tên trước mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Di chúc được viết trên một tờ giấy tập, phía cuối dòng có chữ ký nháy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và giữa tờ di chúc có đóng dấu giáp lai. Đây là di chúc bằng văn bản, không thuộc trường hợp phải có người làm chứng.

Do di chúc được lập đúng theo quy định pháp luật và có hiệu lực nên việc anh N kê khai di sản theo di chúc và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo

quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ú, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Văn Ú giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 27-8-2025 Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ kiện, ngày 28-8-2025 ông Châu Văn Ú làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, kháng cáo trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Châu Thị M là chủ sử dụng phần đất có diện tích 587m², thuộc thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 3, đất ONT, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An và trên đất có căn nhà. Ngày 05-8-2006 bà Châu Thị M lập di chúc có nội dung: Sau khi bà M chết thì anh Châu Hồng N được hưởng phần di sản của bà M để lại là nhà và đất thuộc thửa số 1592, Tờ bản đồ số 3, diện tích 587m², đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Di chúc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An chứng thực ngày 22-8-2006.

Sau khi bà M chết, ngày 01/10/2024, anh Châu Hồng N lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với thửa đất 1592, tờ bản đồ số 3, diện tích 467m² (diện tích sau khi đo đạc lại) của bà Châu Thị M, được Phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T2, công chứng số 25727 quyền số 26/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01-10-2024. Hồ sơ được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C) thẩm tra, ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Châu Hồng N đối với thửa đất nêu trên có số phát hành DO 454209, số vào sổ CN 1399, cấp ngày 17-10-2024.

Ông Châu Văn Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Vô hiệu Tờ di chúc ngày 05-8-2006 của bà Châu Thị M cho anh Châu Hồng N được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An chứng thực ngày 22-8-2006, Số 03, quyền số 01/TP/CC/SCT/HĐGD.

- Vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 01-10-2024 đối với phần đất có diện tích 467m², thuộc thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 3, đất ONT, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An được công chứng tại Văn phòng C1 theo số công chứng 25727, quyền số 26/2024/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1192, diện tích 828,1m² tờ bản đồ số 36, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực C, tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Châu Hồng N ngày 11-7-2025.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ú.

[3] Xét kháng cáo của ông Châu Văn Ú thấy rằng:

Di chúc do bà Châu Thị M lập ngày 05-8-2006 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An chứng thực ngày 22-8-2006 đã tuân thủ về hình thức và nội dung được quy định tại các Điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 657, 658 và Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên di chúc hợp pháp. Anh Châu Hồng Nghĩa L cháu nội, sống chung với bà M từ nhỏ, các con của bà M đều có gia đình riêng, sống riêng. Lúc bà M cao tuổi, già yếu, do anh Châu Hồng N chăm sóc, phụng dưỡng cho đến khi bà M chết. Mặt khác, khi còn sống bà M đã chia đất ruộng cho các con và xác định nhà và đất thổ bà M để lại cho anh N và tại biên bản họp gia đình ngày 29-8-2024, tất cả những người thừa kế của bà M trong đó có ông Châu Văn Ú, thống nhất để ông Châu Hồng N nhận thừa kế quyền sử dụng đất thửa 1592. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, các con bà M gồm: ông Châu Văn V, bà Châu Thị T và bà Châu Thị E (trừ ông Ú) đều có yêu cầu Tòa án công nhận di chúc lập ngày 05-8-2006 bà M để cho anh Châu Hồng N nhận thừa kế quyền sử dụng đất thửa 1592. Như vậy, bà M để lại di chúc cho anh Nghĩa L hợp pháp, việc anh N kê khai nhận hưởng di sản và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên là đúng quy định pháp luật, đúng với ý nguyện của bà M khi còn sống.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ú về việc yêu cầu vô hiệu di chúc ngày 05-8-2006 của bà Châu Thị M, vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế của anh Châu Hồng N ngày 01-10-2024 tại Văn phòng C1 và

hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Châu H1 Nghĩa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Ông Châu Văn Ú kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Châu Văn Ú phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Châu Văn Ú

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST, ngày 27-08-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh.

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 657 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn Ú đối với ông Châu Hồng N về việc:

- Vô hiệu Tờ di chúc ngày 05-8-2006 của bà Châu Thị M cho ông Châu Hồng N được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An chứng thực ngày 22-8-2006 theo số 03, quyển số 01/TP/CC/SCT/HĐGD, đối với phần đất có diện tích 587m², thuộc thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 3, đất ONT, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 01-10-2024 đối với phần đất có diện tích 467m², thuộc thửa đất số 1592, tờ bản đồ số 3, đất ONT, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An được công chứng tại Văn phòng C1 theo số công chứng 25727, quyển số 26/2024/TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Về án phí:

- **Án dân sự sơ thẩm:** Ông Châu Văn Ú phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0022993 ngày 09-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ông Ú còn phải nộp 300.000 đồng.

- **Án phí Phúc thẩm:** Ông Châu Văn Ú phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 28-08-2025 theo Biên lai thu số 0003661 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND khu vực 7-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hữu Chiến